

Số .*991*/QĐ-ĐHĐL

Lâm Đồng, ngày *17* tháng 11 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt danh mục và phân bổ kinh phí thực hiện đề tài NCKH sinh viên năm 2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT


- Căn cứ Quyết định số 426/TTg ngày 27 tháng 10 năm 1976 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập trường Đại học Đà Lạt;
- Căn cứ “Điều lệ trường đại học” ban hành theo Quyết định số 153/2003/QĐ-TTg ngày 30 tháng 7 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ;
- Căn cứ Quyết định số 1591/BGDĐT-KHCNMT ngày 7/5/2013 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc bổ nhiệm Hiệu trưởng Trường Đại học Đà Lạt nhiệm kỳ 2013-2018;
- Căn cứ kế hoạch hoạt động KHCN của Trường Đại học Đà Lạt năm 2014;
- Theo đề nghị của Phó trưởng phòng QLKH-HTQT,

QUYẾT ĐỊNH:

- Điều 1.** Phê duyệt danh mục gồm 35 (*ba mươi lăm*) đề tài NCKH sinh viên năm 2015 và phân bổ kinh phí thực hiện đề tài (*có danh mục kèm theo*).
- Điều 2.** Sinh viên và cán bộ hướng dẫn thực hiện đề tài chịu trách nhiệm thực hiện theo đúng các qui định hiện hành.
- Điều 3.** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.
- Điều 4.** Các ông/bà Trưởng Khoa, phòng QLKH-HTQT, Phòng TC, sinh viên và cán bộ hướng dẫn đăng ký tham gia thực hiện đề tài chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 để thực hiện;
- Phòng TC;
- Lưu VT, Phòng QLKH-HTQT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
Phó hiệu trưởng

TS. Nguyễn Văn Kết

**DANH MỤC VÀ PHÂN BỔ KINH PHÍ ĐỀ TÀI NCKH SINH VIÊN
ĐĂNG KÝ THỰC HIỆN NĂM 2015**

(kèm theo Quyết định số: 991 /2014/QĐ-ĐHDL/QLKH ngày 17 tháng 11 năm 2014)

**DANH SÁCH ĐỀ TÀI
NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN 2014**

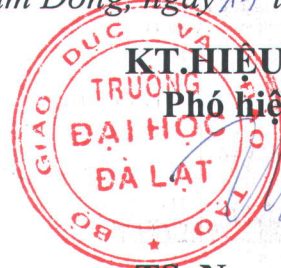
ST T	TÊN ĐỀ TÀI	KINH PHÍ (đồng)	NGƯỜI THỰC HIỆN ĐỀ TÀI	GIẢNG VIÊN HƯỚNG DẪN	KHOA
1	Lập trình tính toán trên vành đa thức.	3.000.000	Tô Lan Nhi – MSSV: 1210079 TNK36	TS.Đặng Tuấn Hiệp	Toán - Tin
2	Những tính toán trong lý thuyết kì dị. (Computations in Singularity theory).	3.000.000	Phạm Minh Quý – MSSV: 1210125 TNK36	TS.Đặng Tuấn Hiệp	Toán - Tin
3	Phương trình hàm và những ứng dụng.	3.000.000	Nguyễn Thùy Ánh Dương – MSSV: TNK37	TS.Đặng Tuấn Hiệp	Toán - Tin
4	Khai thác hiệu quả tập luật kết hợp với ràng buộc kép và ứng dụng.	5.000.000	Hoàng Ng. Thùy Ngân – MSSV: 1111511 TNK35	TS.Trương Chí Tín	Toán - Tin
5	NC vật lý linh kiện và mô phỏng của tran-zi-to hiệu ứng trường có kích thước dưới 100nm.	5.000.000	Nguyễn Ngọc Hoan – MSSV: 1211524 Nguyễn Văn Ngọc – MSSV: 1210182 Nguyễn Minh Rin – 1210192 VLK36	TS.Nguyễn Đăng Chiến	Vật lý
6	Thiết bị đo nồng độ khí gas.	5.000.000	Đỗ Xuân Trung – MSSV: 1111571 Trần Thị Lan – MSSV: 1111563 Đình Xuân Thật – MSSV: 1110192 VLK35	ThS. Nguyễn Năng Hải	Vật lý
7	Nghiên cứu, thiết kế và chế tạo máy bơm nước tự động.	5.000.000	Nguyễn Mạnh Cần – MSSV: 1111559 (NT) Nguyễn Tiến Được – MSSV: 1110182 Nguyễn Thị Thương – MSSV: 1111568 Tạ Xuân Phúc – MSSV: 1110189 VTK35	Dương Văn Thủy	Vật lý
8	Nghiên cứu sự tích lũy kim loại nặng: Cu(II), Zn(II), Pb(II) từ đất lên sinh khối một số loại rau được trồng trên nền đất chuyên canh rau Đà Lạt.	5.000.000	Phạm Thị Thục Uyên – MSSV: 1210276 Phan Huy Phương Trang – MSSV: 1210268 Đào Thị Thu Thảo – MSSV: 1210275 Phạm Thị Mai Ly – MSSV: 1210260 Trần Thị Thảo – MSSV: 1210298 HHK36	ThS. Lê Thị Thanh Trân	Hóa học
9	Bước đầu khảo sát thành phần các nhóm hợp chất tự nhiên trong thân 2 loài xáo tam phân(Paranignya sp.) ở Lâm	5.000.000	Hoàng Thị Bích An – MSSV: 1111573 Bùi Anh Đào – MSSV: 1110197 Hồ Thị Thúy Diễm – MSSV: 1111574 Lưu Thị Dung – MSSV: 1111575	TS. Trịnh Thị Diệp và Huỳnh Thanh Trúc	Hóa học

	Đồng.		Hoàng Thị Thu Hiền – MSSV: 1111577 HHK35		
10	NC chiết xuất Rotundin từ một số loài bình vôi tại Lâm Đồng.	5.000.000	Lê Hoàng Châu – MSSV: 1211546 Ng. Thị Phương Thảo – MSSV: 1211555 Đào Thị Tươi – MSSV: 1210272 Đặng Ngọc Trung – MSSV: HHK36	ThS. Tạ Thị Hân Hoan	Hóa học
11	Xây dựng chương trình giải các bài toán dẫn nhiệt và truyền nhiệt đối lưu bằng phần mềm MATLAB	5.000.000	Ng. Ngọc Nhật Anh – MSSV: 1210232 Huỳnh Huy Thái Bảo – MSSV: 1211534 Ng. Hoàng Nhật Khang – MSSV: 1210240 Mai Ng. Trọng Nhân – MSSV: 1210242 Ng. Đông Cao Tùng – MSSV:1210248 Quản Duy Đức – MSSV:1210237 HNK36	TS. Trịnh Thị Tú Anh	KT hạt nhân
12	Từ điển và sách điện tử thuật ngữ chuyên ngành kỹ thuật hạt nhân.	5.000.000	Nguyễn Thành Trường – MSSV:1210245 Trần Trung Nguyên – MSSV: 1211540 Trần Quốc Tuấn – MSSV:1211799 Hồ Quốc Toàn- MSSV:1211544 Trần Đăng Khoa – MSSV:1211538 Nguyễn Xuân Đạt – MSSV:1210236 Nguyễn Bá Huy – MSSV:1210238 Lê Nguyễn Trúc Như – MSSV:1210243 HNK36	ThS. Nguyễn Danh Hưng	KT hạt nhân
13	Xây dựng hệ thống thông tin khai thác nguồn dữ liệu và tra cứu cho Khoa KTHN.	5.000.000	Lê Đức Thịnh – MSSV:1210248 Lê Phú Thịnh – MSSV:1010225 Nguyễn Xuân Thương – MSSV:1210246 Nguyễn Đức Thắng – MSSV:1210249 HNK36	ThS. Nguyễn Thị Tuyết Trinh	KT hạt nhân
14	“Những cuộc phiêu lưu của Sherlock Holmes” phân tích kỹ thuật dịch và các kỹ năng liên quan.	4.000.000	Lê Hoàng Nguyệt Quế - MSSV:1111252 AVK35C	ThS. Tôn Thiện Quỳnh Trâm	Ngoại ngữ
15	Lỗi phát âm tiếng Anh thường gặp của sinh viên chuyên ngành Anh văn tại trường ĐHDL.	4.000.000	Trần Thị Phương Thảo- MSSV:1111332 AVK35A	ThS. Nguyễn Thị Tường Vy	Ngoại ngữ
16	Tính tương thích trong việc sử dụng từ ngữ với ngữ cảnh của sinh viên Khoa Ngoại ngữ.	4.000.000	Văn Hoàng Kim Ngọc- MSSV:1111325 AVK35A	TS. Nguyễn Tất Thắng	Ngoại ngữ
17	Pháp luật về bồi thường quyền sử dụng đất ở cho hộ gia đình, cá nhân – Thực tiễn tại TP Đà Lạt.	5.000.000	Ng.Thị Hồng Nhung – MSSV: 1210705 Phạm Thị Cát Phượng – MSSV: 1210713 LHK36A	ThS. Nguyễn Đắc Văn	Luật học
18	Thực hiện giám định tư pháp hình sự Việt Nam và định hướng hoàn thiện.	3.000.000	Phạm Thị Nga – MSSV:1210703 Ng. Thị Hoàng Quyên – MSSV:1210723 Nguyễn Thị Hạnh – MSSV:1210621 LHK36A	ThS. Nguyễn Thị Loan	Luật học
19	Đấu tranh phòng chống tội trộm cắp của người chưa thành niên trên địa bàn huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.	4.000.000	Ng.Thị Hồng Nhung – MSSV:1210700 Ng. Thị Thanh Mỹ - MSSV:1210678 Công Thành Pha – MSSV:1210716 Nông Vinh Tiên- MSSV:1210790	ThS. Nguyễn Văn Nghiệp	Luật học

			LHK36B		
20	Căn cứ xác định cha, mẹ cho con trong trường hợp mang thai hộ vì mục đích nhân đạo theo luật hôn nhân và gia đình VN năm 2014.	4.000.000	Ng. Thị Hồng Hiếu – MSSV:1210607 Phan Văn Công – MSSV:1210573 Nguyễn Thị Dung – MSSV: 1210591 LHK36A	TS. Nguyễn Ngọc Anh Đào	Luật học
21	Bước đầu nghiên cứu và đánh giá khả năng nhuộm màu thực phẩm của một số loài ở Đà Lạt..	5.000.000	Cao Thị Thùy Trinh- MSSV:1311086 CSK37	ThS. Hoàng Thị Bình	Sinh học
22	Bước đầu nghiên cứu và đánh giá khả năng ứng dụng trong lĩnh vực bảo vệ thực vật của một số loài cây cho saponin ở Đà Lạt.	5.000.000	Lê Minh Tâm-MSSV: 1311071 CSK37	ThS. Hoàng Thị Bình	Sinh học
23	Quản lý stress đối với nhân viên công tác xã hội: Nghiên cứu trường hợp tại trung tâm 05-06 Đức Trọng – tỉnh Lâm Đồng.	5.000.000	Nguyễn Thị Phương – MSSV:1212054 Man Khánh Lệ - MSSV:1211886 Hồ Thị Mai Trâm- MSSV: 1212144 CPK36	ThS. Nguyễn Thị Minh Hiền	CTXH
24	Mức độ hài lòng của sinh viên về thư viện Đại học Đà Lạt.	5.000.000	Cầm Thị Hồng Liên – MSSV:1210810 Ka Kiều Ngân – MSSV:1210812 Phan Hoàng Phước – MSSV:1210814 Hồ Tiến Vinh – MSSV:1210817 XHK36	Đào Thị Hiếu	CTXH
25	Mức độ hài long của sinh viên về chất lượng đào tạo theo hệ thống tín chỉ tại trường Đại học Đà Lạt.	5.000.000	Lê Thanh nam – MSSV:1210811 Đoàn Thị Trung Anh – MSVV:1212141 Hoàng Thị Bích Ngọc – MSSV:1212022 Bùi Nữ Tường Vi – MSSV:1212026 XHK36	Phạm Hồng Hải	CTXH
26	Xây dựng chương trình đọc và lưu thời khóa biểu trường Đại học Đà Lạt trên các hệ điều hành di động.	5.000.000	Lê Phú Lộc – MSSV:1110127 Trần Như Long – MSSV:1110126 Nguyễn Xuân Khoa – MSSV:1111537 Nguyễn Văn Thương – MSSV:1110135 CTK35	ThS. Thái Duy Quý	CNTT
27	Xây dựng các giải pháp bảo mật hệ thống Website.	4.000.000	Hồ Sỹ Toàn Thắng – MSSV:1112113 Nguyễn Văn Tài – MSSV:1110131 Mai Văn Bình – MSSV:1111525 Nguyễn Hữu Khoa – MSSV:1111343 Ng. Ngọc Sơn Nguyên –MSSV:1110128 CTK35	Phạm Duy Lộc	CNTT
28	Vận dụng thuyết kiến tạo trong dạy học tác phẩm văn học dân gian trung học phổ thông.	5.000.000	Ma Hiêng – MSSV:1110813 NVK35	ThS. Đỗ Thị Phương lan	Sư phạm
29	Tìm hiểu hoạt động thờ cúng tổ tiên của đồng bào Công giáo tại TP Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng.	5.000.000	Phạm Văn Khánh -MSSV:1311871 Nguyễn Tuấn Đạt – MSSV:1311913 LSK37	Nguyễn Thông	Lịch sử
30	Lễ hội Chôl Chnăm Thmây của người Khmer ở ấp Base A xã Lương Hòa Huyện Châu Thành tỉnh Trà Vinh.	5.000.000	Phạm Thị Phương Thảo – MSSV:1212128 Ngọc Thị Bích Phương- MSSV:1210820 LSK36	TS. Võ Tấn Tú	Lịch sử
31	Sưu tầm và tìm hiểu văn học dân gian phản ánh phong tục tập quán của người K’Ho tại địa bàn xã Bảo Thuận, huyện	3.950.000	Ka Huỳnh – MSSV:1210900 NVK36	Nguyễn Thanh Hoài	NV&VHH

	Di Linh, tỉnh Lâm Đồng.				
32	Các yếu tố ảnh hưởng tới hành vi mua rau sạch – Một NG tại thị trường Đà Lạt.	5.000.000	Lê Tuấn Anh – MSSV: 1212107 Nguyễn Tuyết - MSSV:1212113 QTK36	ThS. Phan Minh Đức	KT-QTKD
33	Phân tích các nhân tố ảnh hưởng đến hành vi mua sắm trực tuyến của người tiêu dung thành phố Đà Lạt.	5.000.000	Lê Kiều Duyên – MSSV:1211605 Đỗ Thị Tuyết Lan MSSV:1211607 Trần Phan Hoài Nam – MSSV:1211610 Ng. Thị Hằng Ngân – MSSV:1210474 Trần Ngọc Phg Uyên – MSSV:1211623 Đình Hồng Quân – MSSV:1210487 QTK36	ThS. Lê Phong Lam và Ng. Ngọc Bảo Tú	KT-QTKD
34	Tìm hiểu thực trạng hoạt động của các làng nghề tại Đà Lạt và các vùng phụ cận – đề xuất giải pháp nâng cao khả năng tiếp cận thị trường của các sản phẩm làng nghề.	5.000.000	Trương Huyền Trang – MSSV:1311234 Vũ Minh Quang – MSSV:1311208 Huỳnh Lê Kiều Lan – MSSV:1311177 Lê Đình Nhật Hạ - MSSV:1311167 Dương Bách Thảo – MSSV:1311229 QTK37	Hồ Thị Lý và Trần Đình Thức	KT-QTKD
35	Phân tích chuỗi cung ứng khoai tây tại TP Đà Lạt	5.000.000	Phạm Hoàng Yên – MSSV:1211691 Nguyễn Thị Hà – MSSV:1212116 KTK36	ThS. Nguyễn Hoài Nam và Nguyễn Đức Nguyên	KT-QTKD
Tổng cộng : 159.950.000			<i>(bằng chữ: Một trăm năm mươi chín triệu chín trăm năm mươi nghìn đồng)</i>		

Lâm Đồng, ngày 17 tháng 11 năm 2014



KT.HIỆU TRƯỞNG
Phó hiệu trưởng

TS. Nguyễn Văn Kết